

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2022
V/v “Ly hôn giữa bà N với ông H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Phi.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Đặng Hoàng Mich.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quốc Duy - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên
toà:* Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Phan Thị Hà N**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả N, xã ÐT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị Hà N có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 03/6/2022.

*** Bị đơn:** **Nguyễn Hòa H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bến Cát, xã ÐT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Hòa H có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/7/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị Hà N trình bày như sau:

Bà N và ông Nguyễn Hòa H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông Nguyễn Hòa H chỉ lo ăn chơi, không lo xây dựng gia đình. Bà N cố gắng hàn gắn thuyết phục ông H để xây dựng lại hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng bà Phan Thị Hà N và ông Nguyễn Hòa H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tại, bà N không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hòa H

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Phan Thị Kiều Ch, sinh ngày 27/8/1999; Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 01/9/2010. Sau khi ly hôn, bà Phan Thị Hà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Gia B, không yêu cầu ông Nguyễn Hòa H cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Phan Thị Kiều Ch đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2022, bị đơn Nguyễn Hòa H trình bày: Ông H thống nhất với bà Phan Thị Hà N về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn với bà N bởi vì còn thương vợ con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Hà N với ông Nguyễn Hòa H.

- Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Hà N được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn

Phan Gia B, sinh ngày 01/9/2010 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu B trên 07 tuổi). Riêng cháu Nguyễn Phan Thị Kiều Ch đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận việc bà Phan Thị Hà N tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Hòa H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Hà N và ông Nguyễn Hòa H có đăng ký kết hôn theo luật định, bà N có đơn yêu cầu ly hôn, do đó đây là vụ án “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hòa H hiện đang sinh sống tại ấp Bến Cát, xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về Nội dung vụ án: Bà Phan Thị Hà N và ông Nguyễn Hòa H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre vào năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về chuyện tiền bạc, không hàn gắn được. Vì vậy, bà N và ông H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N với ông H rất trầm trọng. Bà N quyết tâm ly hôn, ông H cho rằng còn thương bà N, tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, ông H không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Phan Gia B có nguyện vọng sống chung với bà N và bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, do đó cần giao cháu B cho bà Phan Thị Hà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu B để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận việc bà Phan Thị Hà N tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Hòa

H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị Hà N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Hà N đối với ông Nguyễn Hòa H.

Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Hà N với ông Nguyễn Hòa H.

2. Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Hà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 01/9/2010 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu B trên 07 tuổi). Riêng cháu Nguyễn Phan Thị Kiều Ch, sinh ngày 27/8/1999 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận việc bà N tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Hà N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006170 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Vậy, bà Phan Thị Hà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự bà Phan Thị Hà N, ông Nguyễn Hòa H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Ủy ban nhân dân xã ĐT
(Số 01, Quyển số 01/2000);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi